

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER VỊ ĐƯỜNG ĐEN

TCCS 05/VDN/2023

CÔNG TY CP HH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

Email: dl-hha@vedaninternational.com

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 05/VDN/2023

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: d1-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Hạt hướng Dương ChaCheer Vị Đường Đen

2. Thành phần: Hạt hướng dương (91,8%), đường trắng, muối không chứa iốt, đường đen (1,55%), chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose), hương đường đen tổng hợp (0,1%).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):

108 g và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trực tiếp trong bao giấy đa lớp, chất liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm là nhựa PE. Bao bì sử dụng phù hợp yêu cầu An toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD.

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210.

Xuất xứ: Thái Lan.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam nhập khẩu, phân phối và kinh doanh sản phẩm

“Hạt Hướng Dương ChaCheer Vị Đường Đen” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.8, 3.25).

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.1).

- Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

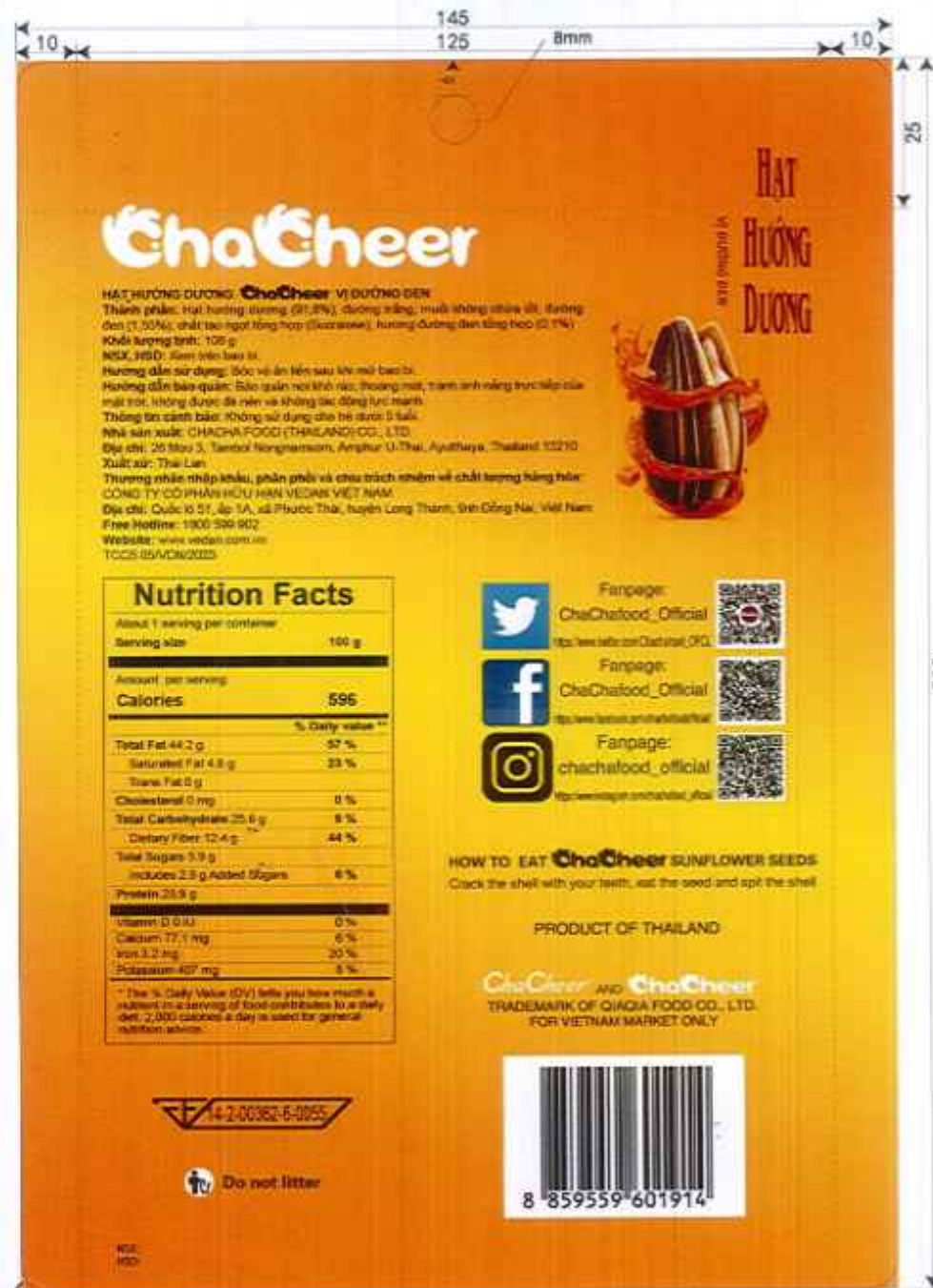
Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN CHÍ HẠO





HÌNH ẢNH PHÓNG TO NHÂN SẴN PHẨM HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER VỊ ĐƯỜNG ĐEN

HẠT HƯƠNG DƯƠNG **Chacheer** VỊ ĐƯỜNG ĐEN

Thành phần: Hạt hướng dương (91,8%), đường trắng, muối không chứa iốt, đường đen (1,55%), chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose), hương đường đen tổng hợp (0,1%)

Khối lượng tịnh: 108 g

NSX, HSD: Xem trên bao bì.

Hướng dẫn sử dụng: Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được để nén và không tác động lực mạnh.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng cho trẻ dưới 5 tuổi.

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD.

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210

Xuất xứ: Thái Lan

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 05/VDN/2023



Nutrition Facts

About 1 serving per container

Serving size 100 g

Amount per serving

Calories 596

% Daily value **

Total Fat 44.2 g 57 %

Saturated Fat 4.6 g 23 %

Trans Fat 0 g

Cholesterol 0 mg 0 %

Total Carbohydrate 25.6 g 9 %

Dietary Fiber 12.4 g 44 %

Total Sugars 5.9 g

Includes 2.9 g Added Sugars 6 %

Protein 23.9 g

Vitamin D 0 IU 0 %

Calcium 77.1 mg 6 %

Iron 3.2 mg 20 %

Potassium 407 mg 8 %

* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS

BN: 221025006

Trang/ Page 1 / 1

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Client name : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
Địa chỉ : Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Address : National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 221025006
Tên mẫu/ Name of Sample : Hạt hướng dương Chacheer vị đường đen
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nhựa / Sample in plastic bag
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm / Food
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 25 / 10 / 2022
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 25 / 10 / 2022 - 31 / 10 / 2022
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 31 / 10 / 2022

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Cảm quan (Trạng thái, Màu sắc, Mùi, Vị)	Dạng hạt giòn, cứng, màu xám sọc trắng, không có hạt hư hỏng, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm			Cảm quan / Sensory

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director



MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS**



BN: 221025006

Trang/ Page 1 / 2

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Client name : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
Địa chỉ : Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Address : National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 221025006
Tên mẫu/ Name of Sample : Hạt hướng dương Chacheer vị đường đen
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nhựa / Sample in plastic bag
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm / Food
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 25 / 10 / 2022
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 25 / 10 / 2022 - 31 / 10 / 2022
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 31 / 10 / 2022



Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Na (Natri) (Sodium)	671	mg/100g		HD.TN.226 (Ref. AOAC 999.11 & AOAC 985.35) (*)
Béo tổng (Fat total)	44.2	g/100g		HD.TN.023 (Ref. AOAC 996.06) (*)
Cholesterol	KPH/ N.D	mg/100g	1.5	HD.TN.305 (Ref. J. Agric. Food Chem. 2006, 54, 4107-4113) (*)
Độ ẩm (Moisture content) (103°C)	1.93	g/100g		HD.TN.047:2017 (*)
Fat Saturated	4.57	g/100g		Ref. AOAC 996.06 (GC/MS)
Fat Trans	KPH/ N.D	g/100g	0.01	HD.TN.135 (Ref. AOAC 996.06) (*)
Fiber Dietary (Xơ dinh dưỡng)	12.4	g/100g		AOAC 991.43 (*)
Năng lượng (Calories)	597	Kcal/100g		Calculated Value (FAO, Food & Nutrition P. 77, 2003)
Protein (N*5.3)	23.9	g/100g		HD.TN.038 (Ref. AOAC 928.08) (*)
Sugar Total (Đường tổng) (Quy về saccharose)	5.86	g/100g		Ref. EC 152 -2009, TCVN 4594-1988 (*)
Total Carbohydrate	25.6	g/100g		Calculated Value (FAO, Food & Nutrition P. 77, 2003)
Vitamin D (Vitamin D2 & Vitamin D3)	KPH/ N.D	IU/100g	20 mỗi chất	Ref. AOAC 995.05 (LC/MS/MS)
Aflatoxins B1	KPH/ N.D	µg/kg	0.15	HD.TN.007 (Ref. AOAC 2005.08 (LC/MS/MS)) (ii) (*)

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS



BN: 221025006

Trang/ Page 2 / 2

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Client name : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
Địa chỉ : Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Address : National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 221025006
Tên mẫu/ Name of Sample : Hạt hướng dương Chacheer vị đường đen
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nhựa / Sample in plastic bag
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm / Food
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 25 / 10 / 2022
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 25 / 10 / 2022 - 31 / 10 / 2022
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 31 / 10 / 2022



Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Aflatoxins tổng số (B1,B2,G1,G2)	KPH/ N.D	µg/kg	0.15 mỗi chất	HD.TN.007 (Ref. AOAC 2005.08 (LC/MS/MS)) (ii)(*)
Melamine	KPH/ N.D	µg/kg	30	HD.TN.005 (CLG - MEL 1.01) (*)
As (Arsen tổng) (Total Arsenic)	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.062 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Ca (Canxi) (Calcium)	77.1	mg/100g		HD.TN.226 (Ref. AOAC 999.11 & AOAC 985.35) (*)
Fe (Sắt tổng) (Total Iron)	3.19	mg/100g		HD.TN.226 (Ref. AOAC 999.11 & AOAC 985.35) (*)
K (Kali) (Potassium)	407	mg/100g		HD.TN.226 (Ref. AOAC 999.11 & AOAC 985.35) (*)
Pb (Chì) (Lead)	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.062 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)

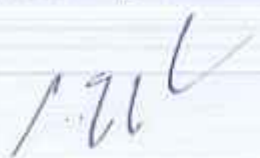
Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

(ii) Phương pháp được Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm và Thủy Sản (NAFIQAD) chỉ định / The method is accredited by National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department (NAFIQAD)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory



M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director




MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

Sample ID: 221025006

BN: 221025006

Page: 1



ANALYTICAL RESULTS

Sample name: Hạt hướng dương Chacheer vị đường đen

NUTRITION FACTS

Servings Per Container	
Serving Size	100g
Amount Per Serving	
Calories	596
	% Daily Value *
Total fat 44.2g	57 %
Saturated Fat 4.6g	23 %
Trans Fat 0g	
Cholesterol 0mg	0 %
Total Carbohydrate 25.6g	9 %
Dietary Fiber 12.4g	44 %
Total Sugars 5.9g	
Includes 2.9g added sugars	6 %
Protein 23.9g	
Vitamin D 0 IU	0 %
Calcium 77.1mg	6 %
Iron 3.2mg	20 %
Potassium 407mg	8 %
* The % Daily Value (DV) tells you how much nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.	

Ghi chú: Số liệu đường thêm vào do khách hàng cung cấp
Note: The data of added sugars provided by customer.